

Pronoun "I"

代词 "我" (dàicí "wŏ")





The	verb		
1110	- ~ - 1		

动词

Near Future Tense

近期将来时 (jìnqī jiānglái shí)



Present Continuous Tense

现在进行时 (xiànzài jìnxíng shí)
Present Tense
现在时 (xiànzài shí)



Past Tense

过去时 (guòqù shí)	
Negation 否定 (fǒudìng)	